**TỔNG HỢP ĐÁP ÁN**

**CUỘC THI LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI**

**2024**

**Câu 1. Sự cần thiết xây dựng Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024? Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 được ban hành nhằm mục tiêu gì?**

***\*Sự cần thiết xây dựng Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024?***

**1. Về cơ sở chính trị**

- Điều 34 của Hiến pháp năm 2013 khẳng định: "Công dân có quyền được bảo đảm an sinh xã hội".

- Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội (BHXH) (sau đây được viết là Nghị quyết số 28-NQ/TW), trong đó đặt ra mục tiêu: "Cải cách chính sách BHXH để BHXH thực sự là một trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội, từng bước mở rộng vững chắc diện bao phủ BHXH, hướng tới mục tiêu BHXH toàn dân. Phát triển hệ thống BHXH linh hoạt, đa dạng, đa tầng, hiện đại và hội nhập quốc tế theo nguyên tắc đóng - hưởng, công bằng, bình đẳng, chia sẻ và bền vững. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phát triển hệ thống thực hiện chính sách BHXH tinh gọn, chuyên nghiệp, hiện đại, tin cậy và minh bạch". Nghị quyết số 28-NQ/TW đã đề ra 11 nội dung cải cách, 05 nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, trong đó xác định nhiệm vụ: "Hoàn thiện hệ thống pháp luật về lao động, việc làm, BHXH".

- Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đề ra các nhiệm vụ, giải pháp liên quan trực tiếp đến việc hoàn thiện chính sách, pháp luật về an sinh xã hội, trong đó có chính sách BHXH, như: "Cải cách hệ thống BHXH đa tầng dựa trên nguyên tắc đóng - hưởng, chia sẻ - bền vững"; "Hoàn thiện hệ thống luật pháp về BHXH, tiến tới thực hiện BHXH toàn dân. Phát triển hệ thống BHXH linh hoạt, đa dạng, đa tầng hiện đại, hội nhập quốc tế; kết hợp hài hòa nguyên tắc đóng góp và thụ hưởng; công bằng, bình đẳng, chia sẻ và bền vững. Tiếp tục hiện đại hóa quản lý BHXH theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả. Phấn đấu đến năm 2030 có khoảng 60% lực lượng lao động tham gia BHXH"; "Hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách và chế tài xử lý vi phạm thuộc các lĩnh vực liên quan như ... BHXH. Bảo đảm cân đối quỹ BHXH trong dài hạn; từng bước tách việc điều chỉnh lương hưu với điều chỉnh tiền lương của người đang làm việc; thực hiện điều chỉnh tăng tuổi nghỉ hưu theo lộ trình. Phấn đấu đến năm 2025, tỉ lệ lao động trong độ tuổi tham gia BHXH là 45%".

**2. Cơ sở thực hiện**

Qua 8 năm thi hành, Luật BHXH năm 2014 đã đi vào cuộc sống, khẳng định tính đúng đắn của chính sách, chế độ BHXH theo nguyên tắc đóng - hưởng, đáp ứng nguyện vọng của đông đảo người lao động, bảo đảm an sinh xã hội và hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình thực hiện Luật BHXH năm 2014 cũng bộc lộ những tồn tại, hạn chế, bất cập như: (i) diện bao phủ đối tượng tham gia và thụ hưởng BHXH trên thực tế còn thấp so với tiềm năng; (ii) tính tuân thủ pháp luật về BHXH còn chưa cao, tình trạng chậm đóng, trốn đóng BHXH diễn ra ở nhiều doanh nghiệp, nhiều địa phương; (iii) chính sách BHXH tự nguyện chưa thật sự hấp dẫn người dân tham gia; (iv) một số quy định không còn phù hợp với bối cảnh, điều kiện thực tiễn hiện nay...

Nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế, bất cập nêu trên và để cụ thể hóa các quan điểm, định hướng đã được nêu tại các văn kiện, nghị quyết của Đảng, việc sửa đổi Luật BHXH năm 2014 là rất cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

***Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 được ban hành nhằm mục tiêu gì?***

Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 được ban hành nhằm mục tiêu chính sau:

1. Thể chế hóa Nghị quyết số 28-NQ/TW: Luật này nhằm cải cách chính sách bảo hiểm xã hội để bảo hiểm xã hội trở thành một trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội, mở rộng vững chắc diện bao phủ bảo hiểm xã hội, hướng tới mục tiêu bảo hiểm xã hội toàn dân.
2. Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, đa dạng, đa tầng: Mục tiêu là xây dựng một hệ thống bảo hiểm xã hội hiện đại, hội nhập quốc tế theo nguyên tắc đóng - hưởng, công bằng, bình đẳng, chia sẻ và bền vững.
3. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước và hiệu quả thực hiện chính sách: Luật hướng tới hoàn thiện quy định quản lý nhà nước và hệ thống tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội một cách chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu quả, công khai, minh bạch.
4. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia: Luật bảo vệ và gia tăng quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia bảo hiểm xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để mọi người lao động tham gia và thụ hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội

**Câu 2: Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 quy định về những vấn đề gì? Luật có bao nhiêu chương, bao nhiêu điều? Luật có hiệu lực thi hành từ ngày, tháng, năm nào? Quan điểm chỉ đạo xây dựng Luật?**

***Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 quy định về những vấn đề gì?***

Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 quy định về nhiều vấn đề quan trọng nhằm cải thiện và mở rộng hệ thống bảo hiểm xã hội. Dưới đây là một số nội dung chính:

## 1. **Hệ thống Bảo hiểm xã hội đa tầng**

- Luật quy định xây dựng hệ thống bảo hiểm xã hội đa tầng bao gồm**: trợ cấp hưu trí xã hội, bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện,** và **bảo hiểm hưu trí bổ sung** để hướng tới bao phủ toàn dân.

## 2. **Trợ cấp hưu trí xã hội**

- Trợ cấp hưu trí xã hội là loại hình bảo hiểm do ngân sách nhà nước bảo đảm, dành cho người cao tuổi không có lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng. Độ tuổi được hưởng trợ cấp này giảm xuống 75 tuổi (trước đây là 80 tuổi), và từ đủ 70 tuổi cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

## 3. **Bổ sung đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc**

- Luật mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bao gồm: chủ hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, người lao động làm việc không trọn thời gian, và một số chức danh quản lý trong doanh nghiệp, hợp tác xã

## 4. **Chế độ thai sản cho bảo hiểm xã hội tự nguyện**

- Người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện được hưởng trợ cấp thai sản với mức 2 triệu đồng cho mỗi con mới sinh, do ngân sách nhà nước bảo đảm

## 5. **Điều kiện hưởng lương hưu**

- Giảm thời gian đóng bảo hiểm xã hội tối thiểu để được hưởng lương hưu từ 20 năm xuống còn 15 năm.

## 6. **Quản lý và bảo vệ quỹ bảo hiểm xã hội**

- Luật quy định về việc bảo hộ, bảo toàn và tăng trưởng quỹ bảo hiểm xã hội, cũng như hỗ trợ người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

## 7. **Quyền và lợi ích của người tham gia**

- Luật bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân tham gia bảo hiểm xã hội, và có chính sách hỗ trợ về tín dụng cho người lao động mất việc làm.

***Luật có bao nhiêu chương, bao nhiêu điều?***

Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 gồm 11 chương và 141 điều. So với Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, Luật mới này tăng thêm 2 chương và 16 điều.

***Luật có hiệu lực thi hành từ ngày, tháng, năm nào?***

Căn cứ theo Điều 140 Luật Bảo hiểm xã hội 2024 thì hiệu lực thi hành của Luật này là từ 1/7/2025.

***Quan điểm chỉ đạo xây dựng Luật?***

Quan điểm chỉ đạo xây dựng Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 tập trung vào việc thể chế hóa các nội dung cải cách trong Nghị quyết số 28-NQ/TW về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội. Cụ thể, các quan điểm chỉ đạo bao gồm:

1. Thể chế hóa Nghị quyết số 28-NQ/TW: Luật được xây dựng để bảo hiểm xã hội trở thành một trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội, mở rộng vững chắc diện bao phủ bảo hiểm xã hội, hướng tới mục tiêu bảo hiểm xã hội toàn dân.
2. Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội đa tầng, linh hoạt, đa dạng: Mục tiêu là xây dựng một hệ thống bảo hiểm xã hội hiện đại, hội nhập quốc tế theo nguyên tắc đóng - hưởng, công bằng, bình đẳng, chia sẻ và bền vững.
3. Bảo đảm an sinh xã hội: Luật nhằm bảo đảm an sinh xã hội theo quy định của Hiến pháp, sửa đổi các vướng mắc, bất cập từ thực tiễn, và mở rộng quyền, lợi ích để thu hút người lao động tham gia bảo hiểm xã hội.
4. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước: Luật hướng tới nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phát triển hệ thống thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội tinh gọn, chuyên nghiệp, hiện đại, tin cậy và minh bạch.

**Câu 3: Bảo hiểm xã hội là gì? Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm xã hội tự nguyện? Loại hình, các chế độ bảo hiểm xã hội?**

***Bảo hiểm xã hội là gì?***

Bảo hiểm xã hội (BHXH) là một chính sách an sinh xã hội quan trọng, được Nhà nước quản lý và đảm bảo thực hiện. Theo Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024, bảo hiểm xã hội là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người tham gia khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, khi nghỉ hưu hoặc chết, trên cơ sở đóng vào Quỹ Bảo hiểm xã hội hoặc do ngân sách nhà nước bảo đảm.

Bảo hiểm xã hội đóng vai trò là trụ cột chính trong hệ thống an sinh xã hội, giúp bảo vệ quyền lợi của người lao động trước các rủi ro bất ngờ và đảm bảo cuộc sống ổn định cho họ và gia đình. Tại Việt Nam, bảo hiểm xã hội bao gồm hai loại hình chính: bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm xã hội tự nguyện.

***Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm xã hội tự nguyện:***

## **Đối tượng tham gia Bảo hiểm xã hội bắt buộc:**

Căn cứ theo khoản 1,2,3 Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội 2024, từ ngày 1/7/2025, đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc bao gồm:

**Người lao động là công dân Việt Nam:**

- Người làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn từ đủ 01 tháng trở lên.

- Cán bộ, công chức, viên chức.

- Công nhân và viên chức quốc phòng, công nhân công an, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu.

- Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật công an nhân dân; người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân.

- Hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội nhân dân; hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ công an nhân dân; học viên quân đội, công an, cơ yếu đang theo học được hưởng sinh hoạt phí.

- Dân quân thường trực.

- Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Vợ hoặc chồng không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cử đi công tác nhiệm kỳ cùng thành viên cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài được hưởng chế độ sinh hoạt phí.

- Người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

- Người lao động làm việc không trọn thời gian.

- Chủ hộ kinh doanh của hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh tham gia theo quy định của Chính phủ.

**Người lao động là công dân nước ngoài:**

- Làm việc tại Việt Nam theo hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên với người sử dụng lao động tại Việt Nam.

## **Đối tượng tham gia Bảo hiểm xã hội tự nguyện:**

Căn cứ theo khỏan 4 Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội 2024 quy định về đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện như sau:

**- Người lao động không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc** có thể tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện. Điều này bao gồm các cá nhân không có hợp đồng lao động hoặc không thuộc các nhóm đối tượng bắt buộc khác, như người làm việc tự do, người lao động trong khu vực phi chính thức, hoặc những người muốn tự nguyện tham gia để hưởng chế độ hưu trí và tử tuất.

**- Người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện** có thể lựa chọn mức đóng và phương thức đóng linh hoạt để phù hợp với khả năng tài chính của mình. Mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện được tính dựa trên thu nhập tháng do người tham gia lựa chọn nhưng tối thiểu bằng mức lương cơ sở.

***Loại hình, các chế độ bảo hiểm xã hội?***

Căn cứ theo Điều 4 Luật Bảo hiểm xã hội 2024, bảo hiểm xã hội tại Việt Nam được chia thành hai loại hình chính: **Bảo hiểm xã hội bắt buộc** và **Bảo hiểm xã hội tự nguyện**. Mỗi loại hình có các chế độ bảo hiểm khác nhau như sau:

## 1. **Bảo hiểm xã hội bắt buộc**

**- Đối tượng tham gia**: Người lao động và người sử dụng lao động phải tham gia, bao gồm những người làm việc theo hợp đồng lao động từ đủ 3 tháng trở lên, hoặc hợp đồng không xác định thời hạn.

**Các chế độ bảo hiểm**:

**+ Chế độ ốm đau**: Hỗ trợ người lao động khi bị ốm đau, bệnh tật.

**+ Chế độ thai sản**: Hỗ trợ người lao động nữ khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi.

**+ Chế độ tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp**: Hỗ trợ người lao động khi bị tai nạn hoặc mắc bệnh liên quan đến công việc.

**+ Chế độ hưu trí**: Cung cấp lương hưu cho người lao động khi hết tuổi lao động.

**+ Chế độ tử tuất**: Hỗ trợ gia đình khi người lao động qua đời.

## 2. **Bảo hiểm xã hội tự nguyện**

**Đối tượng tham gia**: Mọi công dân Việt Nam từ 15 tuổi trở lên không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc có thể tham gia.

**Các chế độ bảo hiểm**:

**+ Chế độ hưu trí**: Cung cấp lương hưu cho người tham gia khi hết tuổi lao động.

**+ Chế độ tử tuất**: Hỗ trợ gia đình khi người tham gia qua đời.

Bảo hiểm xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an sinh xã hội và hỗ trợ người lao động khi gặp rủi ro về sức khỏe hoặc mất thu nhập.

**Câu 4: Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 quy định các hành vi nào bị nghiêm cấm? Quyền và trách nhiệm của người tham gia và người thụ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội?**

***Các hành vi bị nghiêm cấm trong Luật Bảo hiểm xã hội 2024 bao gồm:***

Căn cứ theo Điều 9 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội như sau:

1. Chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp.

2. Chiếm dụng tiền hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

3. Cản trở, gây khó khăn hoặc làm thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của đối tượng tham gia, thụ hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

4. Gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

5. Sử dụng quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp trái pháp luật.

6. Truy cập, khai thác, cung cấp cơ sở dữ liệu về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp trái pháp luật.

7. Đăng ký, báo cáo sai sự thật; cung cấp thông tin không chính xác về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

8. Thông đồng, móc nối, bao che, giúp sức cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

9. Cầm cố, mua bán, thế chấp, đặt cọc sổ bảo hiểm xã hội dưới mọi hình thức.

10. Hành vi khác theo quy định của luật.

Những hành vi này sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật nhằm bảo vệ quyền lợi của người tham gia và đảm bảo sự công bằng, minh bạch trong hệ thống bảo hiểm xã hội.

***Quyền và trách nhiệm của người tham gia và người thụ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội?***

Căn cứ theo khoản 1 Điều 10 Luật Bảo hiểm xã hội 2024 quy định về quyền của người tham gia bảo hiểm xã hội như sau:

**Người tham gia bảo hiểm xã hội có các quyền sau đây:**

a) Hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật này;

b) Được cấp sổ bảo hiểm xã hội;

c) Được cơ quan bảo hiểm xã hội định kỳ hằng tháng cung cấp thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội thông qua phương tiện điện tử; được cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận thông tin về đóng bảo hiểm xã hội khi có yêu cầu;

d) Yêu cầu người sử dụng lao động và các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện đầy đủ trách nhiệm về bảo hiểm xã hội đối với mình theo quy định của pháp luật;

đ) Được tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội;

e) Chủ động đi khám giám định y khoa để xác định mức suy giảm khả năng lao động nếu thuộc trường hợp đang bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội và được thanh toán phí giám định y khoa khi kết quả giám định y khoa đủ điều kiện để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật này;

g) Khiếu nại, tố cáo và khởi kiện về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

## ***Trách nhiệm của người tham gia bảo hiểm xã hội:***

Căn cứ theo khoản 1 Điều 11 Luật Bảo hiểm xã hội 2024 quy định về trách nhiệm của người tham gia bảo hiểm xã hội như sau:

Người tham gia bảo hiểm xã hội có trách nhiệm sau đây:

a) Đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật này;

b) Theo dõi việc thực hiện trách nhiệm về bảo hiểm xã hội đối với mình;

c) Thực hiện việc kê khai chính xác, trung thực, đầy đủ thông tin theo đúng quy định về đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội.

## ***Quyền của người thụ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội:***

Căn cứ theo khoản 2 Điều 10 Luật Bảo hiểm xã hội 2024 quy định về quyền của người thụ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội như sau:

**Người thụ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội có các quyền sau đây:**

a) Nhận các chế độ bảo hiểm xã hội đầy đủ, kịp thời, thuận tiện;

b) Hưởng bảo hiểm y tế trong trường hợp đang hưởng lương hưu; nghỉ việc hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng; trong thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng; trong thời gian nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng hoặc nghỉ việc hưởng trợ cấp ốm đau đối với người lao động bị mắc bệnh thuộc danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành; đang hưởng chế độ quy định tại Điều 23 của Luật này;

c) Được thanh toán phí giám định y khoa đối với trường hợp không do người sử dụng lao động giới thiệu đi khám giám định mức suy giảm khả năng lao động mà kết quả giám định y khoa đủ điều kiện để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật này;

d) Ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện bảo hiểm xã hội. Trường hợp ủy quyền nhận lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và chế độ khác theo quy định của Luật này thì văn bản ủy quyền có hiệu lực tối đa là 12 tháng kể từ ngày xác lập việc ủy quyền. Văn bản ủy quyền phải được chứng thực theo quy định của pháp luật về chứng thực;

đ) Đối với người từ đủ 80 tuổi trở lên nếu có nhu cầu thì được cơ quan bảo hiểm xã hội hoặc tổ chức dịch vụ được cơ quan bảo hiểm xã hội ủy quyền thực hiện việc chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội tại nơi cư trú trên lãnh thổ Việt Nam;

e) Được cơ quan bảo hiểm xã hội định kỳ hằng tháng cung cấp thông tin về việc hưởng chế độ bảo hiểm xã hội thông qua phương tiện điện tử; được cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận thông tin về hưởng bảo hiểm xã hội khi có yêu cầu;

g) Khiếu nại, tố cáo và khởi kiện về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật;

h) Từ chối hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.

## **Trách nhiệm của người thụ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội:**

Căn cứ theo khoản 2 Điều 11 Luật Bảo hiểm xã hội 2024 quy định về trách nhiệm của người thụ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội như sau:

Người thụ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quy định về trình tự, thủ tục, quy định khác về hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Hoàn trả tiền hưởng chế độ bảo hiểm xã hội khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền xác định việc hưởng không đúng quy định;

c) Định kỳ hằng năm, người thụ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội qua tài khoản cá nhân mở tại ngân hàng có trách nhiệm phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội hoặc tổ chức dịch vụ được cơ quan bảo hiểm xã hội ủy quyền để thực hiện việc xác minh thông tin đủ điều kiện thụ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.

**Câu 5: Quyền và trách nhiệm của người sử dụng lao động được Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 quy định như thế nào? Biện pháp xử lý hành vi chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp?**

***Quyền và trách nhiệm của người sử dụng lao động được Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 quy định như thế nào?***

Căn cứ theo Điều 12, Điều 13 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024, quyền và trách nhiệm của người sử dụng lao động được quy định như sau:

## **Quyền của người sử dụng lao động:**

1. Từ chối thực hiện yêu cầu không đúng quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

2. Được tạm dừng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại Điều 37 của Luật này.

3. Được cơ quan bảo hiểm xã hội hướng dẫn trình tự, thủ tục thực hiện bảo hiểm xã hội.

4. Được tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội.

5. Khiếu nại, tố cáo và khởi kiện về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

## **Trách nhiệm của người sử dụng lao động:**

1. Đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc cho người lao động theo quy định của Luật này; phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội trong việc trả sổ bảo hiểm xã hội bản giấy cho người lao động.

2. Lập hồ sơ để người lao động được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.

3. Phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội trong việc xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc hoặc thôi việc theo quy định của pháp luật.

4. Đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho người lao động theo quy định tại Điều 34 của Luật này và hằng tháng trích khoản tiền phải đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại Điều 33 của Luật này từ tiền lương của người lao động để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội.

5. Xem xét giới thiệu người lao động thuộc đối tượng theo quy định tại Điều 65 của Luật này đi khám giám định y khoa để xác định mức suy giảm khả năng lao động tại Hội đồng giám định y khoa.

6. Phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội trả trợ cấp bảo hiểm xã hội cho người lao động trong trường hợp chi trả thông qua người sử dụng lao động.

7. Xuất trình, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến việc đóng, hưởng bảo hiểm xã hội thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Bồi thường cho người lao động theo quy định của pháp luật nếu không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của Luật này mà gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động.

9. Phối hợp, tạo điều kiện để cơ quan bảo hiểm xã hội thực hiện thu hồi số tiền bảo hiểm xã hội hưởng không đúng quy định của người lao động khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền

Theo Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 và các quy định liên quan, biện pháp xử lý hành vi chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm thất nghiệp được quy định như sau:

***Biện pháp xử lý hành vi chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp?***

Căn cứ theo Điều 40, Điều 41 Luật Bảo hiểm xã hội 2024 về biện pháp xử lý hành vi chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp như sau:

**Biện pháp xử lý hành vi chậm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp**

1. Bắt buộc đóng đủ số tiền chậm đóng; nộp số tiền bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp chậm đóng và số ngày chậm đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

2. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

3. Không xem xét trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

4. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

**Biện pháp xử lý hành vi trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp**

1. Bắt buộc đóng đủ số tiền trốn đóng; nộp số tiền bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp trốn đóng và số ngày trốn đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

2. Xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Không xem xét trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

4. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

Những biện pháp này nhằm đảm bảo việc thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội, bảo vệ quyền lợi của người lao động và duy trì sự công bằng trong hệ thống bảo hiểm xã hội.